TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đắc Tuyền

Bà Tạ Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX - ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1962. ĐKHKTT và trú tại: Tổ 4, khu V, phường H, quận D, Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962. ĐKHKTT và trú tại: Khu Q, phường Đ , quận D, Hải Phòng.Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là ông Hoàng Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1983, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K (nay là phường Đ, quận D) thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu ông bà sống hòa thuận. Đến khoảng năm 2011, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt, hai vợ chồng ăn ngủ riêng; bà N không thông cảm cho ông trong khi ông làm kinh tế. Cuộc sống giữa ông bà ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2013 đến nay, ông và bà N đã sống ly thân (ông đã làm thủ tục tách hộ khẩu riêng). Ông và bà N không còn quan tâm tới nhau cả về tình cảm cũng như kinh tế. Vào năm 2014, ông cũng đã làm đơn xin ly hôn bà N nhưng do bà N muốn đoàn tụ và tòa án hòa giải nên ông đã rút đơn. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn bà N.

Về nuôi con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Hoàng Văn C, sinh năm 1984 và Hoàng Văn D, sinh năm 1985 (đã trưởng thành); ông không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 18/12/2017, bị đơn bà N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống và con chung như ông H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ với người khác. Vào năm 2014, ông H cũng đã làm đơn xin ly hôn bà nhưng sau đó ông H đã rút đơn. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, ông H không quan tâm tới vợ con. Nay ông H làm đơn xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Hoàng Văn C, sinh năm 1984 và Hoàng Văn D, sinh năm 1985 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng; thông báo về phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải (tuy nhiên bà N đều vắng mặt). Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/02/2018 song bà N vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 22/3/2018.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn bà N; về nguyên nhân mâu thuẫn như bà N trình bầy là chưa chính xác, về việc bà N cho rằng ông không chung thủy, trong thời gian sống ly thân do tình cảm với nhau không còn nên việc ông có quan hệ với người khác chỉ là quan hệ bạn bè. Về tài sản, ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H; về tài sản chung, do hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng dân sự: Ông Hoàng Văn H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với bà Hoàng Thị N cư trú tại phường Đ, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng. Bà Hoàng Thị N đã được Tòa án nhân dân quận D tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, song vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hợp lệ cho bà N nhưng bà N vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi bà N cư trú xác định: Bà N và ông H xảy ra mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng trong quan điểm sống, gia đình hai bên đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, ông H và bà N đã sống ly thân từ năm 2013, không có sự quan tâm tới nhau. Năm 2014, ông H đã làm đơn ly hôn bà N nhưng sau đó rút đơn để đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi rút đơn, ông bà vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, vẫn sống ly thân. Nay ông H tiếp tục làm đơn ly hôn, bà N tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không

có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã thông báo hòa giải cho bà N nhưng bà N đều không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Đối chiếu với quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn bà N phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về vấn đề con chung: Các con đã trưởng thành, các bên không có yêu cầu nên HĐXX không phải xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Hoàng Văn H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông H và bà N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị N.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014047 ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Hoàng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Đ, quận D, HP;
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung